

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Khoản 6 và Khoản 8, Điều 1 Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;*

*Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-BTNMT ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh kế hoạch tổng thể thực hiện, kế hoạch tổng thể phân nhiệm vụ do Trung ương thực hiện, kế hoạch thực hiện năm 2019 và kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2019 phân nhiệm vụ do Trung ương thực hiện Dự án Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-BTNMT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG);*

*Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” thực hiện tại tỉnh Trà Vinh, vay vốn Ngân hàng Thế giới;*

*Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 27/03/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể, Kế hoạch thực hiện năm 2020 và dự kiến Kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2020 của Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, vay vốn Ngân hàng Thế giới;*

*Căn cứ Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện: Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành và huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thuộc Dự án Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, vay vốn Ngân hàng Thế giới;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 595/TTr-STNMT ngày 19/11/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh Khoản 6 và Khoản 8, Điều 1 Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện: Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành và huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thuộc Dự án Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, vay vốn Ngân hàng Thế giới, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 6, như sau:

“6. Các nội dung chính: (Nội dung, khối lượng cụ thể theo Phụ lục 01 đính kèm)”.

2. Điều chỉnh Khoản 8, như sau:

“8. Tổng kinh phí thực: 4.718.351.145 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm mười tám triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng), chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm”.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiểm tra, thẩm định, xác định nội dung, khối lượng và kinh phí thực hiện của Thiết kế kỹ thuật - Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện: Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành và Càng Long, tỉnh Trà Vinh thuộc Dự án Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, vay vốn Ngân hàng Thế giới.

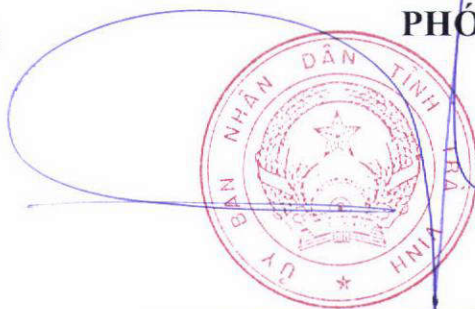
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4017/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung và khối lượng thực hiện tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện: Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành và Càng Long căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP; các Phòng KT, CNXD;
- Lưu: VT, NN. 03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện



**PHỤ LỤC 01**  
**NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN**  
(Kèm theo Quyết định số: **2844/QĐ-UBND**  
ngày **06/12/2021** của UBND tỉnh)

**1. Xây dựng CSDL địa chính (đối với trường hợp chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện CSDL đã xây dựng)**

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>A1</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>		
<b>I</b>	<b>Chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: Xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính trên địa bàn thi công	Thửa	135.706
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, cài đặt phần mềm phục vụ cho công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính	Thửa	135.706
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi dữ liệu địa chính</b>		
2.1	Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của CSDL địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu hiện hành	Thửa	135.706
2.2	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính	Thửa	135.706
2.3	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	124.708
2.4	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét	Thửa	164.018
<b>3</b>	<b>Bổ sung, hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
3.1	Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính	Thửa	135.706
3.2	Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	82.700
3.3	Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung	Thửa	82.700
3.4	Thực hiện xuất Sổ địa chính (điện tử) đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính (điện tử)	Thửa	82.700
<b>4</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu địa chính</b>		
4.1	Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính	Thửa	135.706
4.2	Thu nhận bổ sung các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu địa chính (thu nhận bổ sung thông tin)	Thửa	135.706

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
4.3	Nhập bổ sung thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	135.706
<b>5</b>	<b>Đối soát dữ liệu (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)</b>		
5.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng CSDL đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	82.700
5.2	Thực hiện ký số vào sổ địa chính (điện tử) đối với trường hợp xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	82.700
<b>6</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính</b>		
-	Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện khi kết thúc công trình; lập biên bản bàn giao dữ liệu địa chính	Thửa	135.706
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
1.1	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	14
1.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL	Xã	14
<b>2</b>	<b>Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
2.1	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	14
<b>A2</b>	<b>HUYỆN CẦU KÈ</b>		
<b>I</b>	<b>Chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: Xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính trên địa bàn thi công	Thửa	92.888
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, cài đặt phần mềm phục vụ cho công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính	Thửa	92.888
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi dữ liệu địa chính</b>		
2.1	Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của CSDL địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu hiện hành	Thửa	92.888

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
2.2	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính	Thửa	92.888
2.3	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	89.033
2.4	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét	Thửa	88.721
<b>3</b>	<b>Bổ sung, hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
3.1	Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính	Thửa	92.888
3.2	Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	40.041
3.3	Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung	Thửa	40.041
3.4	Thực hiện xuất Sổ địa chính (điện tử) đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính (điện tử)	Thửa	40.041
<b>4</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu địa chính</b>		
4.1	Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính	Thửa	92.888
4.2	Thu nhận bổ sung các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu địa chính (thu nhận bổ sung thông tin)	Thửa	92.888
4.3	Nhập bổ sung thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	92.888
<b>5</b>	<b>Đối soát dữ liệu (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)</b>		
5.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng CSDL đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	40.041
5.2	Thực hiện ký số vào sổ địa chính (điện tử) đối với trường hợp xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	40.041
<b>6</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính</b>		
-	Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện khi kết thúc công trình; lập biên bản bàn giao dữ liệu địa chính	Thửa	92.888
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
<b>1</b>	<b>Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền</b>	<b>Xã</b>	
1.1	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	11

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
1.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL	Xã	11
<b>2</b>	<b>Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
2.1	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	11
<b>A3</b>	<b>HUYỆN CẦU NGANG</b>		
<b>I</b>	<b>Chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: Xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính trên địa bàn thi công	Thửa	111.912
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, cài đặt phần mềm phục vụ cho công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính	Thửa	111.912
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi dữ liệu địa chính</b>		
2.1	Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của CSDL địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu hiện hành	Thửa	111.912
2.2	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính	Thửa	111.912
2.3	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	109.540
2.4	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét	Thửa	87.246
<b>3</b>	<b>Bổ sung, hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
3.1	Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính	Thửa	111.912
3.2	Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	59.620
3.3	Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung	Thửa	59.620
3.4	Thực hiện xuất Sổ địa chính (điện tử) đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính (điện tử)	Thửa	59.620
<b>4</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu địa chính</b>		
4.1	Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính	Thửa	111.912

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
4.2	Thu nhận bổ sung các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu địa chính (thu nhận bổ sung thông tin)	Thửa	111.912
4.3	Nhập bổ sung thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	111.912
<b>5</b>	<b>Đối soát dữ liệu (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)</b>		
5.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng CSDL đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	59.620
5.2	Thực hiện ký số vào sổ địa chính (điện tử) đối với trường hợp xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	59.620
6	Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính		
-	Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện khi kết thúc công trình; lập biên bản bàn giao dữ liệu địa chính	Thửa	111.912
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
1.1	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	15
1.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL	Xã	15
<b>2</b>	<b>Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
2.1	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	15
<b>A4</b>	<b>HUYỆN CÀNG LONG</b>		
<b>I</b>	<b>Chuyển đổi, bổ sung hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: Xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính trên địa bàn thi công	Thửa	113.332
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, cài đặt phần mềm phục vụ cho công tác chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính	Thửa	113.332

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi dữ liệu địa chính</b>		
2.1	Lập mô hình chuyển đổi cấu trúc dữ liệu của CSDL địa chính đã xây dựng sang cấu trúc dữ liệu hiện hành	Thửa	113.332
2.2	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu không gian địa chính	Thửa	113.332
2.3	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	86.170
2.4	Chuyển đổi cấu trúc dữ liệu hồ sơ quét	Thửa	99.148
<b>3</b>	<b>Bổ sung, hoàn thiện dữ liệu địa chính</b>		
3.1	Rà soát, bổ sung dữ liệu không gian địa chính	Thửa	113.332
3.2	Rà soát, bổ sung dữ liệu thuộc tính địa chính	Thửa	65.742
3.3	Thực hiện hoàn thiện 100% thông tin trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung	Thửa	65.742
3.4	Thực hiện xuất Sổ địa chính (điện tử) đối với những thửa đất chưa có sổ địa chính (điện tử)	Thửa	0
<b>4</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu địa chính</b>		
4.1	Chuyển đổi siêu dữ liệu địa chính	Thửa	113.332
4.2	Thu nhận bổ sung các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu địa chính (thu nhận bổ sung thông tin)	Thửa	113.332
4.3	Nhập bổ sung thông tin siêu dữ liệu địa chính cho từng đơn vị hành chính cấp xã	Thửa	113.332
<b>5</b>	<b>Đối soát dữ liệu (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)</b>		
5.1	Đối soát thông tin của thửa đất trong CSDL đã được chuyển đổi, bổ sung với nguồn tài liệu, dữ liệu đã sử dụng để xây dựng CSDL đối với trường hợp phải xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	0
5.2	Thực hiện ký số vào sổ địa chính (điện tử) đối với trường hợp xuất mới sổ địa chính (điện tử)	Thửa	0
<b>6</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL địa chính</b>		
-	Chuẩn bị tư liệu, tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu; tổng hợp, xác định khối lượng sản phẩm đã thực hiện khi kết thúc công trình; lập biên bản bàn giao dữ liệu địa chính	Thửa	113.332

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
1.1	Tách, lọc và chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian đất đai nền	Xã	14
1.2	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian đất đai nền từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL	Xã	14
<b>2</b>	<b>Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền</b>		
2.1	Tích hợp dữ liệu không gian đất đai nền vào CSDL đất đai để quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Xã	14

## 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê

Khối lượng thực hiện xây dựng CSDL thống kê kiểm kê cấp xã và cấp huyện:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>B1</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>		
<b>I</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai cấp xã</b>		
<b>I.1</b>	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Xã	14
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	14
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	14
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Xã	14
<b>3</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Xã	14
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai	Xã	14

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
	thực hiện)		
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	14
<b>1.2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>		
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê (16 năm thống kê)	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	70
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê (5 kỳ kiểm kê)		56
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>		
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	70
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		56
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	<i>Quét trang A3 (16 năm thống kê) + (5 kỳ kiểm kê)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>1.181</i>
3.1.2	<i>Quét trang A4 (16 năm thống kê) + (5 kỳ kiểm kê)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>2.464</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	3.645
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	159
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		<i>126</i>
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	<i>126</i>
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		126
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai		70
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		56

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>I.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>		
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kết quả điều tra kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
2	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp DL/Xã	14
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Lớp DL/Xã	14
II	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai cấp huyện</b>		
II.1	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
1	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, KK đất đai	Huyện	1
2	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Huyện	1
3	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, KK đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1
3.2	Thực hiện kiểm tra hệ thống CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
II.2	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
1	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê (16 năm thống kê)		5
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê (5 kỳ kiểm kê)		4

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		5
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		4
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	<i>Quét trang A3 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>129</i>
3.1.2	<i>Quét trang A4 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>185</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	314
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất CSDL	Thửa	21
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		9
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		9
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		9
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai		5
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		4
<b>II.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>	Lớp dữ liệu/Huyện	
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có) <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu/Huyện	
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
<b>B2</b>	<b>HUYỆN CẦU KÈ</b>		
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP XÃ</b>		
<b>I.1</b>	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Xã	11
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	11
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	11
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Xã	11
<b>3</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Xã	11
3.2	Thực hiện kiểm tra hệ thống CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Xã	11
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	11

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>I.2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê (16 năm thống kê)		55
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê (5 kỳ kiểm kê)		44
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		55
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		44
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	<i>Quét trang A3 (16 năm thống kê)+(5 kỳ kiểm kê)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>937</i>
3.1.2	<i>Quét trang A4 (16 năm thống kê)+(5 kỳ kiểm kê)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>1.758</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	2.695
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	132
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	99
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		99
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		99
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai		55
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		44
<b>I.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>		
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản		

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
	đồ kết quả điều tra kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	10
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	10
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	10
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	10
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	0
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp DL/Xã	11

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Lớp DL/Xã	11
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU THỐNG KÊ KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI CẤP HUYỆN</b>		
<b>II.1</b>	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, KK đất đai	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, KK đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1
3.2	Thực hiện kiểm tra hệ thống CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
<b>II.2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê (16 năm thống kê)		2
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê (5 kỳ kiểm kê)		4
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		5

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		4
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	<i>Quét trang A3 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A3</i>	277
3.1.2	<i>Quét trang A4 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A4</i>	217
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	494
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	21
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	6
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		6
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		6
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai		2
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		4
<b>II.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>		
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp dữ liệu/Huyện	

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
<b>B3</b>	<b>HUYỆN CẦU NGANG</b>		
<b>I</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai cấp xã</b>		
<b>I.1</b>	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Xã	15
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	15
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	15
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Xã	15
<b>3</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Xã	15
3.2	Thực hiện kiểm tra hệ thống CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Xã	15
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	15
<b>I.2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê (16 năm thống kê)		75
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê (5 kỳ kiểm kê)		15

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã		
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		75	
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		15	
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>			
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất			
3.1.1	<i>Quét trang A3 (16 năm thống kê)+(5 kỳ kiểm kê)</i>	Trang A3	908	
3.1.2	<i>Quét trang A4 (16 năm thống kê)+(5 kỳ kiểm kê)</i>	Trang A4	2.870	
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	3.778	
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	123	
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>			
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		90	
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		90	
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		90	
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>			
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai			75
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		15	
<b>I.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>			
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>			
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kết quả điều tra kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ			
-	<i>Tỷ lệ 1:1.000</i>	<i>Lớp DL/Xã</i>	<i>0</i>	
-	<i>Tỷ lệ 1:2.000</i>	<i>Lớp DL/Xã</i>	<i>1</i>	
-	<i>Tỷ lệ 1:5.000</i>	<i>Lớp DL/Xã</i>	<i>11</i>	
-	<i>Tỷ lệ 1:10.000</i>	<i>Lớp DL/Xã</i>	<i>3</i>	
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp			

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	11
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	3
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	11
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	3
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	1
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	11
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	3
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp DL/Xã	15
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Lớp DL/Xã	15
<b>II</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai cấp huyện</b>		
<b>II.1</b>	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; Chuẩn bị	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
	vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, KK đất đai		
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, KK đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1
3.2	Thực hiện kiểm tra hệ thống CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
<b>II.2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê		1
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê		2
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		1
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		2
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	<i>Quét trang A3 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>167</i>
3.1.2	<i>Quét trang A4 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>362</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	529
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	18

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số			
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		3	
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		3	
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		3	
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>			
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai		1	
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		2	
<b>II.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>			
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>	Lớp dữ liệu/Huyện		
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1	
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1	
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có) <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1	
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>			
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		Lớp dữ liệu/Huyện	1
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>			1
<b>B4</b>	<b>HUYỆN CÀNG LONG</b>			
<b>I</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai cấp xã</b>			
<b>I.1</b>	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>			

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Xã	14
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	14
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	14
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Xã	14
<b>3</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Xã	14
3.2	Thực hiện kiểm tra hệ thống CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Xã	14
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Xã	14
<b>I.2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê (16 năm thống kê)		64
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê (5 kỳ kiểm kê)		31
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		64
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		31
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	Quét trang A3 (16 năm thống kê)+(5 kỳ kiểm kê)	Trang A3	1.407

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
3.1.2	Quét trang A4 (16 năm thống kê)+(5 kỳ kiểm kê)	Trang A4	1.542
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	2.949
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	95
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số		
4.1.1	Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Tính cho 01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/xã	95
4.1.2	Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		95
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		95
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai		64
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		31
<b>1.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>		
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ kết quả điều tra kiểm kê, bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	1
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	1
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có)		

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	1
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai		
-	Tỷ lệ 1:1.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:2.000	Lớp DL/Xã	0
-	Tỷ lệ 1:5.000	Lớp DL/Xã	13
-	Tỷ lệ 1:10.000	Lớp DL/Xã	1
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính	Lớp DL/Xã	14
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau	Lớp DL/Xã	14
<b>II</b>	<b>Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai cấp huyện</b>		
<b>II.1</b>	<b>Công tác chuẩn bị; Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện từng bước công việc; lập kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm phục vụ cho công tác xây dựng CSDL thống kê, KK đất đai	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
2.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu kiểm kê đất đai	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Phục vụ kiểm tra, nghiệm thu CSDL thống kê, KK đất đai</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
3.2	Thực hiện kiểm tra hệ thống CSDL thống kê, kiểm kê đất đai và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL thống kê, kiểm kê đất đai	Huyện	1
<b>II.2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai; đối soát hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
1.1	Thu thập tài liệu, dữ liệu thống kê		1
1.2	Thu thập tài liệu, dữ liệu kiểm kê		2
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)</b>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	
2.1	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu thống kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		1
2.2	Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu kiểm kê và lập báo cáo kết quả thực hiện		2
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	<i>Quét trang A3 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>136</i>
3.1.2	<i>Quét trang A4 (1 huyện x 16 năm)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>294</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	430
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	16
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>		3
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL thống kê, kiểm kê đất đai</i>	01 kỳ kiểm kê hoặc 01 năm thống kê/Huyện	3
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL thống kê, kiểm kê đất đai		3
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai</b>		
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu thống kê đất đai		1
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kiểm kê đất đai		2

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>II.3</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kiểm kê đất đai</b>		
<b>1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai</b>		
1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai với nội dung tương ứng trong bản đồ hiện trạng sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng từ nội dung bản đồ <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai chưa phù hợp <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.3	Nhập bổ sung các thông tin thuộc tính cho đối tượng không gian kiểm kê đất đai còn thiếu (nếu có) <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
1.4	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kiểm kê đất đai <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian kiểm kê đất đai</b>		
2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kiểm kê đất đai từ tệp (File) bản đồ số vào CSDL theo đơn vị hành chính <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>	Lớp dữ liệu/Huyện	1
2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau <i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		1

### 3. Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Khối lượng thực hiện Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>C1</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
2.2.	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Huyện	1
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		<b>2</b>
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	
2.1.1	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.1.2	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.2	Làm sạch và sắp xếp tài liệu quy hoạch sử dụng đất theo trình tự thời gian hình thành tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
2.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn		2
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL quy hoạch,	Kỳ QH	2

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
	kế hoạch sử dụng đất	(năm kế hoạch)	
3.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.2.1	<i>Quét trang A3 (1 năm kế hoạch + 1 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>31</i>
3.2.2	<i>Quét trang A4 (1 năm kế hoạch + 1 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>579</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	610
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	2
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		<i>2</i>
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	<i>2</i>
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		<i>2</i>
4.3	Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		<i>2</i>
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
5.1	<i>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch sử dụng đất</i>		<i>2</i>
5.2	<i>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kế hoạch sử dụng đất</i>		<i>1</i>
<b>III</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch (Bản đồ QHSDD kỳ đầu và kỳ cuối)</b>		
<b>1.1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất</b>		
1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		<i>2</i>
1.1.2	<i>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất chưa phù hợp</i>		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		<i>2</i>

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
1.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất		
	Tỷ lệ 1:25.000		2
<b>1.2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch sử dụng đất</b>		
1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất của bản đồ vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp DL/ Huyện	2
1.2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn.	Lớp DL/ Huyện	2
<b>2</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch</b>		
2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp DL/ Huyện	1
2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất	Lớp DL/ Huyện	1
2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp DL/ Huyện	1
<b>C2</b>	<b>HUYỆN CẦU KÈ</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
2.2.	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>3</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Huyện	1
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		<b>2</b>
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		
2.1.1	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.1.2	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.2	Làm sạch và sắp xếp tài liệu quy hoạch sử dụng đất theo trình tự thời gian hình thành tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
2.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	2
3.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.2.1	<i>Quét trang A3 (1 năm kế hoạch + 4 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A3</i>	2
3.2.2	<i>Quét trang A4 (1 năm kế hoạch + 4 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A4</i>	567

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	569
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	2
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau		
4.1.1	Lập mô hình chuyển đổi CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
4.1.2	Chuyển đổi vào CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
4.3	Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
5.1	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch sử dụng đất	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch	2
5.2	Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kế hoạch sử dụng đất	/huyện	1
<b>III</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch (Bản đồ QHSDD kỳ đầu và kỳ cuối)</b>		
<b>1.1</b>	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất</b>		
1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất		
	Tỷ lệ 1:25.000		2
1.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất chưa phù hợp		
	Tỷ lệ 1:25.000		2
1.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất		
	Tỷ lệ 1:25.000		2

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>1.2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch sử dụng đất</b>		
1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất của bản đồ vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp DL/ Huyện	2
1.2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn.	Lớp DL/ Huyện	2
<b>2</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch</b>		
2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp DL/ Huyện	1
2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất	Lớp DL/ Huyện	1
2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp DL/ Huyện	1
<b>C3</b>	<b>HUYỆN CẦU NGANG</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
2.2.	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		<b>2</b>
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		
2.1.1	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.1.2	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.2	Làm sạch và sắp xếp tài liệu quy hoạch sử dụng đất theo trình tự thời gian hình thành tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
2.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	2
3.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.2.1	<i>Quét trang A3 (1 năm kế hoạch + 1 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>0</i>
3.2.2	<i>Quét trang A4 (1 năm kế hoạch + 1 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>637</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	637
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	2

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
4.3	Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
<b>5</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
5.1	<i>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch sử dụng đất</i>	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
5.2	<i>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu kế hoạch sử dụng đất</i>		1
<b>III</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch (Bản đồ QHSDD kỳ đầu và kỳ cuối)</b>		
1.1	<b>Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất</b>		
1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất	Lớp dữ liệu/Huyện	
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>		2
1.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất chưa phù hợp		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>	2	
1.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất		
	<i>Tỷ lệ 1:25.000</i>	2	
<b>1.2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch sử dụng đất</b>		
1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất của bản đồ vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính	Lớp DL/ Huyện	2
1.2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn.		2

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>2</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch</b>		
2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp DL/ Huyện	1
2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất		1
2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính		1
<b>C4</b>	<b>HUYỆN CÀNG LONG</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
2.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
2.2.	Nhập thông tin siêu dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
3.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát kiểm tra, nghiệm thu	Huyện	1
3.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
3.3	Đóng gói giao nộp CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		<b>2</b>

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>2</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
2.1	Rà soát, đánh giá mức độ đầy đủ về các thành phần, nội dung của tài liệu, dữ liệu; xác định được thời gian xây dựng, mức độ đầy đủ thông tin, tính pháp lý của từng tài liệu, dữ liệu để lựa chọn sử dụng cho việc xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		
2.1.1	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.1.2	<i>Phân loại, lựa chọn tài liệu để xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
2.2	Làm sạch và sắp xếp tài liệu quy hoạch sử dụng đất theo trình tự thời gian hình thành tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
2.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện và lựa chọn tài liệu, dữ liệu nguồn		2
<b>3</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
3.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Kỳ QH (năm kế hoạch)	2
3.1	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
3.1.1	<i>Quét trang A3 (1 năm kế hoạch + 1 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A3</i>	<i>0</i>
3.1.2	<i>Quét trang A4 (1 năm kế hoạch + 1 kỳ quy hoạch)</i>	<i>Trang A4</i>	<i>720</i>
3.2	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	720
3.3	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	2
<b>4</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
4.1	Đối với tài liệu, số liệu là bảng, biểu dạng số thì thực hiện như sau		
4.1.1	<i>Lập mô hình chuyển đổi CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	2
4.1.2	<i>Chuyển đổi vào CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</i>		2
4.2	Đối với tài liệu, số liệu là báo cáo dạng số thì tạo danh mục tra cứu trong CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2
4.3	Nhập dữ liệu thuộc tính quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất		2

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>5</b>	<b>Đổi soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>	01 kỳ quy hoạch hoặc 01 năm kế hoạch /huyện	
5.1	Đổi soát, hoàn thiện dữ liệu quy hoạch sử dụng đất		2
5.2	Đổi soát, hoàn thiện dữ liệu kế hoạch sử dụng đất		1
<b>III</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian quy hoạch</b>	Lớp dữ liệu/Huyện	
1.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất		
1.1.1	Lập bảng đối chiếu giữa lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất với nội dung tương ứng trong bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tách, lọc các đối tượng cần thiết từ nội dung bản đồ quy hoạch sử dụng đất		
	Tỷ lệ 1:25.000		2
1.1.2	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất chưa phù hợp		
	Tỷ lệ 1:25.000		2
1.1.3	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất		
	Tỷ lệ 1:25.000		2
<b>1.2</b>	<b>Chuyển đổi và tích hợp không gian quy hoạch sử dụng đất</b>		
1.2.1	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian quy hoạch sử dụng đất của bản đồ vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính		2
1.2.2	Rà soát dữ liệu không gian để xử lý các lỗi dọc biên giữa các đơn vị hành chính tiếp giáp nhau. Trường hợp có mâu thuẫn cần xử lý đồng bộ với các loại hồ sơ có liên quan, thống kê kết quả xử lý các đối tượng còn mâu thuẫn.	2	
<b>2</b>	<b>Xây dựng dữ liệu không gian kế hoạch</b>		
2.1	Chuẩn hóa các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp	Lớp DL/ Huyện	1
2.2	Rà soát chuẩn hóa thông tin thuộc tính cho từng đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất		1
2.3	Chuyển đổi các lớp đối tượng không gian kế hoạch sử dụng đất của bản đồ, bản vẽ vị trí công trình, dự án vào CSDL đất đai theo đơn vị hành chính		1

#### 4. Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>D1</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng siêu dữ liệu giá đất; kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL giá đất trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL giá đất	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		
	Thu thập dữ liệu, tài liệu	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
3.1	Rà soát, đánh giá, phân loại	Huyện	1
3.2	Làm sạch, sắp xếp theo các nhóm dữ liệu giá đất, theo trình tự thời gian hình thành tài liệu, dữ liệu.	Huyện	1
3.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện	Huyện	1
<b>4</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
4.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL giá đất	Huyện	1
4.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
4.2.1	<i>Quét trang A3</i>	<i>Trang A3</i>	<i>0</i>
4.2.2	<i>Quét trang A4</i>	<i>Trang A4</i>	<i>3.203</i>
4.3	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	3.203
4.4	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	0
<b>5</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu giá đất</b>		
5.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) giá đất	Huyện	1
5.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.	Huyện	1
<b>6</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
6.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
6.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL giá đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
6.3	Đóng gói giao nộp CSDL giá đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất</b>		
	Nhập dữ liệu thuộc tính giá đất vào CSDL giá đất gồm:		
1.1	Dữ liệu giá đất theo bảng giá đất đối với địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất	Thửa	
1.2	Dữ liệu giá đất cụ thể	Thửa	96
1.3	Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất	Thửa	0
1.4	Dữ liệu giá đất chuyển nhượng trên thị trường theo Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Thửa	2.575
1.5	Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai)	Thửa	18.324
<b>2</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>	<b>Thửa</b>	
	Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng CSDL giá đất	Thửa	20.995
<b>D2</b>	<b>HUYỆN CẦU KÈ</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng siêu dữ liệu giá đất; kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL giá đất trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL giá đất	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		
	Thu thập dữ liệu, tài liệu	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
3.1	Rà soát, đánh giá, phân loại	Huyện	1
3.2	Làm sạch, sắp xếp theo các nhóm dữ liệu giá đất, theo trình tự thời gian hình thành tài liệu, dữ liệu.	Huyện	1
3.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>4</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin</b>		
4.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL giá đất	Huyện	1
4.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
4.2.1	<i>Quét trang A3</i>	<i>Trang A3</i>	<i>0</i>
4.2.2	<i>Quét trang A4</i>	<i>Trang A4</i>	<i>1.463</i>
4.3	Xử lý các tập tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tập tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	1.463
4.4	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	0
<b>5</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu giá đất</b>		
5.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) giá đất	Huyện	1
5.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.	Huyện	1
<b>6</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
6.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1
6.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL giá đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
6.3	Đóng gói giao nộp CSDL giá đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất</b>		
-	Nhập dữ liệu thuộc tính giá đất vào CSDL giá đất gồm:		
1.1	Dữ liệu giá đất theo bảng giá đất đối với địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất	Thửa	
1.2	Dữ liệu giá đất cụ thể	Thửa	40
1.3	Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất	Thửa	20
1.4	Dữ liệu giá đất chuyển nhượng trên thị trường theo Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Thửa	995
1.5	Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai)	Thửa	13.685
<b>2</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>	<b>Thửa</b>	
-	Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng CSDL giá đất	Thửa	14.740

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
<b>D3</b>	<b>HUYỆN CẦU NGANG</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng siêu dữ liệu giá đất; kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL giá đất trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL giá đất	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		
-	Thu thập dữ liệu, tài liệu	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
3.1	Rà soát, đánh giá, phân loại	Huyện	1
3.2	Làm sạch, sắp xếp theo các nhóm dữ liệu giá đất, theo trình tự thời gian hình thành tài liệu, dữ liệu.	Huyện	1
3.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện	Huyện	1
<b>4</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
4.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL giá đất	Huyện	1
4.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
4.2.1	<i>Quét trang A3</i>	<i>Trang A3</i>	<i>0</i>
4.2.2	<i>Quét trang A4</i>	<i>Trang A4</i>	<i>79</i>
4.3	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	79
4.4	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	0
<b>5</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu giá đất</b>		
5.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) giá đất	Huyện	1
5.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.	Huyện	1
<b>6</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
6.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1
6.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL giá đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
6.3	Đóng gói giao nộp CSDL giá đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất</b>		
-	Nhập dữ liệu thuộc tính giá đất vào CSDL giá đất gồm:		
1.1	Dữ liệu giá đất theo bảng giá đất đối với địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất	Thửa	0
1.2	Dữ liệu giá đất cụ thể	Thửa	17
1.3	Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất	Thửa	0
1.4	Dữ liệu giá đất chuyển nhượng trên thị trường theo Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Thửa	62
1.5	Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai)	Thửa	15.047
<b>2</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>	<b>Thửa</b>	
	Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng CSDL giá đất	Thửa	15.126
<b>D4</b>	<b>HUYỆN CÀNG LONG</b>		
<b>I</b>	<b>Công tác chuẩn bị; thu thập tài liệu, dữ liệu; rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu; quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin; xây dựng siêu dữ liệu giá đất; kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>		
1.1	Lập kế hoạch thi công chi tiết: xác định thời gian, địa điểm, khối lượng và nhân lực thực hiện của từng bước công việc; kế hoạch làm việc với các đơn vị có liên quan đến công tác xây dựng CSDL giá đất trên địa bàn thi công	Huyện	1
1.2	Chuẩn bị nhân lực, địa điểm làm việc; chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ, phần mềm cho công tác xây dựng CSDL giá đất	Huyện	1
<b>2</b>	<b>Thu thập tài liệu, dữ liệu</b>		
	Thu thập dữ liệu, tài liệu	Huyện	1
<b>3</b>	<b>Rà soát, đánh giá, phân loại và sắp xếp tài liệu, dữ liệu</b>		
3.1	Rà soát, đánh giá, phân loại	Huyện	1
3.2	Làm sạch, sắp xếp theo các nhóm dữ liệu giá đất, theo trình tự thời gian hình thành tài liệu, dữ liệu.	Huyện	1
3.3	Lập báo cáo kết quả thực hiện	Huyện	1
<b>4</b>	<b>Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tệp tin</b>		
4.1	Tạo danh mục tra cứu hồ sơ quét trong CSDL giá đất	Huyện	1

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
4.2	Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
4.2.1	<i>Quét trang A3</i>	<i>Trang A3</i>	0
4.2.2	<i>Quét trang A4</i>	<i>Trang A4</i>	894
4.3	Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được)	Trang A3, A4	894
4.4	Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong CSDL	Thửa	0
<b>5</b>	<b>Xây dựng siêu dữ liệu giá đất</b>		
5.1	Thu nhận các thông tin cần thiết để xây dựng siêu dữ liệu (thông tin mô tả dữ liệu) giá đất	Huyện	1
5.2	Nhập thông tin siêu dữ liệu giá đất.	Huyện	1
<b>6</b>	<b>Kiểm tra, nghiệm thu CSDL giá đất</b>		
6.1	Đơn vị thi công chuẩn bị tài liệu và phục vụ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu.	Huyện	1
6.2	Thực hiện kiểm tra tổng thể CSDL giá đất và tích hợp vào hệ thống ngay sau khi được nghiệm thu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng (do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện)	Huyện	1
6.3	Đóng gói giao nộp CSDL giá đất	Huyện	1
<b>II</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất; đối soát hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>		
<b>1</b>	<b>Xây dựng dữ liệu thuộc tính giá đất</b>		
	Nhập dữ liệu thuộc tính giá đất vào CSDL giá đất gồm:		
1.1	Dữ liệu giá đất theo bảng giá đất đối với địa phương đã ban hành bảng giá đất đến từng thửa đất	Thửa	
1.2	Dữ liệu giá đất cụ thể	Thửa	14
1.3	Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất	Thửa	1
1.4	Dữ liệu giá đất chuyển nhượng trên thị trường theo Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Thửa	879
1.5	Dữ liệu vị trí thửa đất, tên đường, phố hoặc tên đoạn đường, đoạn phố hoặc khu vực theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (đối với thửa đất đã có Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai)	Thửa	7.670
<b>2</b>	<b>Đối soát, hoàn thiện dữ liệu giá đất</b>	<b>Thửa</b>	
-	Đối soát và hoàn thiện chất lượng dữ liệu giá đất với các tài liệu giá đất đã sử dụng để xây dựng CSDL giá đất	Thửa	8.564

**PHỤ LỤC 02**  
**KINH PHÍ THỰC HIỆN THIẾT KẾ KỸ THUẬT - DỰ TOÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**  
**HUYỆN CHÂU THÀNH, CẦU KÈ, CẦU NGANG, CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

(Kèm theo Quyết định số: **2844/QĐ-UBND**

ngày **06/12/2021** của UBND tỉnh)



STT	HẠNG MỤC	TKDT đã duyệt			Khối lượng theo thực tế thi công		
		Thành tiền trước thuế	Thuế VAT 10%	Thành tiền sau thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT 10%	Thành tiền sau thuế
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ TRONG ĐƠN GIÁ (Xây dựng CSDL)</b>	<b>8.664.046.634</b>	<b>758.522.762</b>	<b>9.422.569.396</b>	<b>3.638.425.038</b>	<b>297.485.585</b>	<b>3.935.910.623</b>
1	Huyện Càng Long	2.107.303.235	192.265.681	2.299.568.916	774.399.831	67.218.109	841.617.940
2	Huyện Cầu Kè	1.682.135.262	145.915.160	1.828.050.422	747.705.270	61.516.269	809.221.539
3	Huyện Cầu Ngang	2.100.146.466	179.359.223	2.279.505.689	929.051.131	74.263.893	1.003.315.024
4	Huyện Châu Thành	2.774.461.671	240.982.698	3.015.444.369	1.187.268.806	94.487.314	1.281.756.120
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN</b>	<b>466.951.980</b>	<b>46.695.198</b>	<b>513.647.178</b>	<b>240.427.512</b>	<b>46.695.198</b>	<b>287.122.710</b>
1	Chi phí khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán	97.634.431	9.763.443	107.397.874	97.634.431	9.763.443	107.397.874
2	Chi phí giám sát, kiểm tra, nghiệm thu	346.561.865	34.656.187	381.218.052	133.868.513	34.656.187	168.524.700
3	Chi phí tổ chức đấu thầu	22.755.684	2.275.568	25.031.252	8.924.568	2.275.568	11.200.136
3.1	Lập Hồ sơ mời thầu	7.585.228	758.523	8.343.751	2.974.856	758.523	3.733.379
3.2	Thẩm định Hồ sơ mời thầu	3.792.614	379.261	4.171.875	1.487.428	379.261	1.866.689
3.3	Đánh giá Hồ sơ dự thầu	7.585.228	758.523	8.343.751	2.974.856	758.523	3.733.379
3.4	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.792.614	379.261	4.171.875	1.487.428	379.261	1.866.689
<b>III</b>	<b>TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (I+II)</b>	<b>9.130.998.614</b>	<b>805.217.960</b>	<b>9.936.216.574</b>	<b>3.878.852.550</b>	<b>344.180.783</b>	<b>4.223.033.333</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>38.767.881</b>		<b>38.767.881</b>	<b>38.767.881</b>		<b>38.767.881</b>
	Chi phí thẩm tra phê duyệt, quyết toán vốn	38.767.881		38.767.881	38.767.881		38.767.881
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG (5%)</b>	<b>456.549.931</b>		<b>456.549.931</b>	<b>456.549.931</b>		<b>456.549.931</b>

STT	HẠNG MỤC	TKDT đã duyệt			Khối lượng theo thực tế thi công		
		Thành tiền trước thuế	Thuế VAT 10%	Thành tiền sau thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT 10%	Thành tiền sau thuế
VI	<b>TỔNG CỘNG CHI PHÍ (VI=III+IV+V)</b>	9.626.316.426	805.217.960	10.431.534.386	4.374.170.362	344.180.783	4.718.351.145